**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ HÀ TIÊN**
**TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/DS-ST.
Ngày: 14/12/2018.
V/v: T/c về Hợp đồng dân sự mua bán tài sản và vay tài sản.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Huỳnh Văn Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Trương Thế Lộc.
2. Ông Nguyễn Văn Oai.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang****; tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Nam - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10, 14 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2018/TLST-DS ngày 09/7/2018 về Tranh chấp Hợp đồng dân sự mua bán tài sản và vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2018/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 11 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2018/QĐST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1959.
Địa chỉ: số 84, đường Trần H, khu phố M, phường B, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. *Bị đơn*:
2.1. Bà Trần Thị X, sinh năm 1964 (có mặt).
2.2. Ông Trần Văn H, sinh năm 1961 (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: số 110/14, hẻm Trần H, khu phố M, phường B, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày*: Trước đây tôi mua dầu từ cây xăng bán lại cho các tàu đánh cá; trong đó có vợ chồng bà Trần Thị X và ông Trần Văn H. Từ chỗ chị em ruột khi thấy bà X gặp khó khăn trong làm ăn nên cho bà X nợ tiền dầu nhiều lần. Ngày 01/01/2017 hai bên kết toán bà X còn nợ tôi số tiền 727.673.000 đồng. Ngoài ra, bà X còn nhờ tôi hốt hụi tôi đang chơi cho bà mượn; bà X đồng ý đưa tiền cho tôi đóng hụi chết. Do nhiều lần, bà X không đưa tiền đóng hụi tôi phải bỏ tiền ra đóng thay cho bà X và đến nay còn nợ số tiền 45.000.000 đồng. Qua nhiều lần hứa hẹn khi bán được nhà sẽ trả cho tôi; sau đó không trả và xin trả hàng tháng 1.000.000 đồng. Tài liệu chứng cứ chứng minh là 01 Giấy nhận nợ đề ngày 01/01/2017 dl; 01 Giấy có mượn 1 đầu hụi có chữ ký và ghi họ tên Trần Thị X và 01 Giấy nhận nợ có chữ ký và ghi họ tên Trần Thị X.

Hiện tại gia đình tôi cần vốn kinh doanh; tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Trần Thị X và ông Trần Văn H phải trả cho tôi một lần số tiền là 772.673.000 đồng; trong đó nợ tiền mua bán dầu là 727.673.000 đồng; nợ tiền do đóng hụi thay là 45.000.000 đồng. Ngoài ra, tôi không còn tranh chấp hoặc yêu cầu gì thêm; kể cả việc yêu cầu tính lãi suất do chậm trả tiền.

*Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị X trình bày*: Tôi thừa nhận có nợ bà Trần Thị H số tiền mua bán dầu là 727.673.000 đồng; tiền do đóng hụi chết thay còn nợ là 45.000.000 đồng; tổng cộng là 772.673.000 đồng. Tài liệu chứng cứ cung cấp tại phiên tòa là 01 Giấy do bà H tự viết đưa cho tôi có nội dung thông báo tổng số nợ, số đã trả và số nợ còn lại. Do hiện tại hoàn cảnh quá khó khăn; không còn tài sản gì để bán trả nợ, nên tôi xin trả cho bà H hàng tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

*Tại bản tự khai ngày 22/8/2018 bị đơn ông Trần Văn H trình bày*: Tôi là chồng của bà Trần Thị X; từ trước đến nay mọi thứ tiền bạc tôi đều không nhúng tay vào. Lúc trước tôi đi biển, khi ghe vô thì vợ tôi là người tự tính tiền chia bạn và trả nợ. Về vụ án bà Trần Thị H cũng vậy vợ tôi tự ký tự làm tôi thực sự không hay biết gì cả và cũng không liên quan tới nợ của bà ấy. Kính mong Tòa án xem xét lại.

*Nguyên đơn bà Trần Thị H có ý kiến tranh luận*: Tôi yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Trần Thị X và ông Trần Văn H phải trả cho tôi tiền mua bán dầu và tiền đóng hụi chết thay tổng cộng là 772.673.000 đồng trong một lần một.

*Bị đơn bà Trần Thị X*: Tôi không có ý kiến tranh luận.

*Bị đơn ông Trần Văn H vắng mặt*: (không có ý kiến thể hiện việc tranh luận).

*Ý kiến của Viện kiểm sát*: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các bên đương sự từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với bà Trần Thị X và ông Trần Văn H. Buộc bà Trần Thị X và ông Trần Văn H liên đới cùng trả cho bà Trần Thị H tổng số tiền là 772.673.000 đồng; trong đó nợ mua bán dầu là 727.673.000 đồng; nợ tiền

do đóng hụi thay là 45.000.000 đồng. Buộc bà Trần Thị X và ông Trần Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Việc bà Trần Thị H khởi kiện đối với bà Trần Thị X và ông Trần Văn H về đòi nợ tiền mua bán dầu và tiền đóng hụi chết thay. Phát sinh tranh chấp trên địa bàn thị xã Hà Tiên (nay là thành phố Hà Tiên) và là nơi các bị đơn bà X, ông H cư trú, nên xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản và vay tài sản. Thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên (nay là thành phố Hà Tiên), tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 430 và 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Việc tranh chấp sau khi được Tòa án thụ lý giải quyết đã tiến hành các trình tự về thủ tục tố tụng; mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, do bị đơn ông Trần Văn H được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt, nên việc hòa giải không tiến hành được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; đồng thời, Tòa án thông báo kết quả phiên họp cho ông H biết theo quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Việc ra Quyết định hoãn phiên tòa được kịp thời và đúng quy định của pháp luật. Đảm bảo sự có mặt tham gia xét xử của đại diện Viện kiểm sát và trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. Không xem xét yêu cầu phản tố do bị đơn bà Trần Thị X không có yêu cầu.

[3] Việc bị đơn ông Trần Văn H không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông H tại phiên tòa theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét việc mua bán tài sản (dầu chạy máy ghe) và vay tài sản (cho mượn tiền do hốt hụi) giữa bà Trần Thị H và bà Trần Thị X được giao kết thông qua lời nói; tự ghi sổ sách theo dõi số lượng, số tiền và số tiền đã trả. Do chỗ bà H là chị ruột bà X, nên bà H thường xuyên giúp đỡ gia đình bà X trong lúc khó khăn và chỉ giao dịch qua lại với bà X. Việc bà H mua dầu ở các cây xăng và bán lại cho nhiều người khác; trong đó có gia đình bà X mua dầu của bà H để chạy máy ghe đánh bắt hải sản được diễn ra liên tục trong nhiều năm; đồng thời, bà H hốt hụi cho bà X vay mượn và được kết toán sổ sách không còn mua bán, cho vay mượn đến hết ngày 01/01/2017 dl. Đến thời điểm này bà X xác nhận còn nợ bà H tiền dầu là 727.673.000 đồng và tiền vay mượn là 45.000.000 đồng; tổng cộng là 772.673.000 đồng. Bà X cam kết hứa hẹn với bà H sẽ căn bán nhà trả nợ nhưng sau đó bà H

nghe tin căn nhà đã sang tên cho con bà X, ông H; bà X tiếp tục hứa hẹn sẽ vay tiền ngân hàng trả nợ cho và cuối cùng là xin trả hàng tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ; từ đó, hai bên xảy ra tranh chấp. Tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017 quy định: "Giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật này". Như vậy, giao dịch dân sự về mua bán tài sản và cho vay giữa bà H đối với bà X đang được thực hiện đến ngày 01/01/2017, tức ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành. Do đó, Hội đồng xét xử cần căn cứ các Điều luật tương ứng của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết, xét xử vụ án.

[5] Theo ý kiến của ông Trần Văn H cho rằng ông không hay biết gì và cũng không liên quan gì tới số nợ của bà H là hoàn toàn không có cơ sở. Vì theo xác minh cho thấy ông H và bà X chung sống như vợ chồng có 05 nhân khẩu, ông H là chủ hộ, bà X là vợ ông H; ông H bà X có đứa con trai lớn tên Trần Thanh Q, sinh năm 1984. Ông H bà X chung sống cho đến nay tuy chưa đăng ký kết hôn nhưng được pháp luật hôn nhân và gia đình công nhận là hôn nhân thực tế. Mặt khác, theo ý kiến ông H còn có nội dung thể hiện vợ chồng ông bà hành nghề ghi cào đánh bắt hải sản, ông chỉ biết đi ghe thu được hải sản đem về giao toàn bộ cho bà X cân bán, chia tiền cho bạn và trả nợ. Như vậy, tuy ông H không trực tiếp giao dịch mua bán dầu và vay mượn tiền qua lại đối với bà H nhưng ông hoàn toàn biết được việc vợ mình là bà X mua dầu chạy máy ghe đánh bắt hải sản, vay mượn tiền nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong đời sống hàng ngày và việc làm ăn kinh tế của gia đình. Tại Điều 25 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định "Vợ hoặc chồng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch dân sự hợp pháp do một trong hai người thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình"; tại khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: " 1. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình" và tại khoản 1 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30….của Luật này". Từ những quy định nói trên việc từ chối của ông Trần Văn H đối với giao dịch do vợ mình là bà X thực hiện là thiếu trách nhiệm và nghĩa vụ đối với gia đình mình. Mặt khác, Hội đồng xét xử còn xét thấy việc vợ chồng ông H bà X hoàn toàn có quyền được hưởng lợi do vợ chồng tạo ra của cải, thu nhập có được trong gia đình nhưng cũng phải có trách nhiệm nghĩa vụ đối với nhau mới đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật và đạo đức xã hội.

[6] Theo ý kiến trình bày của hai bên đương sự; Hội đồng xét xử xét thấy hai bên không tranh chấp về giao dịch mua bán và cho vay mà chỉ tranh chấp về nghĩa vụ trả tiền của bên mua và bên vay. Tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng" và tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm

2015 quy định: "1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".

Việc bà X đứng ra nhận mua tài sản và vay tài sản từ bà H mà không trả tiền trong thời hạn cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định nói trên.

[7] Qua việc mở phiên họp và hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay bà H tiếp tục giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện đòi vợ chồng bà X, ông H phải trả nợ tiền gốc do mua bán tài sản là 727.673.000 đồng và tiền cho vay là 45.000.000 đồng; tổng cộng là 772.6730.000 đồng. Bà H yêu cầu bà X, ông H trả theo phương thức một lần. Bà X xin trả hàng tháng 1.000.000 đồng cho đến khi kết nợ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tiếp tục phân tích, động viên và định hướng thương lượng để hai bên có được phương thức trả nợ, nhằm giữ được tình chị em ruột nhưng hai bên không đi đến thống nhất. Qua thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử đã cân nhắc và xét thấy việc bà X (vợ ông H) không đưa ra được phương thức trả nợ sớm và kéo dài thời gian trả tiền đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H, nên cần buộc bà X và ông H cùng liên đới có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền cho bà H là 772.673.000 đồng; trong đó tiền mua bán tài sản là 727.673.000 đồng và tiền vay là 45.000.000 đồng; sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[8] Đối với việc bà H không yêu cầu bà X và ông H trả lãi do chậm trả tiền, nên Hội đồng xét xử ghi nhận và miễn xem xét.

[9] Về án phí: Buộc bà Trần Thị X và ông Trần Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với giá trị tài sản có tranh chấp là 34.906.920 đồng (400.000.000 đồng = 20.000.000 đồng + 14.906.920 đồng (372.673.000 đồng x 4% = 14.906.920 đồng)). Trả lại cho bà Trần Thị H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.453.460 đồng.

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 440 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

**Tuyên xử**:

1. Chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện tranh chấp nợ tiền mua bán tài sản và vay tài sản giữa bà Trần Thị H đối với bà Trần Thị X và ông Trần Văn H.

Buộc vợ chồng bà Trần Thị X và ông Trần Văn H liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H tổng số tiền là 772.673.000 đồng (Bảy trăm, bảy mươi hai triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng); trong đó: tiền mua bán dầu là 727.673.000 đồng và tiền vay là 45.000.000 đồng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận và miễn xem xét việc bà Trần Thị H không yêu cầu trả lãi do chậm trả tiền đối với vợ chồng bà Trần Thị X và ông Trần Văn H.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Trần Thị X và ông Trần Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 34.906.920 đồng (Ba mươi bốn triệu, chín trăm lẽ sáu nghìn, chín trăm hai mươi đồng). Bà Trần Thị H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.453.460 đồng (Mười bảy triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn, bốn trăm sáu mươi đồng) theo biên lai thu số 0001113 ngày 06/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hà Tiên (nay là thành phố Hà Tiên), tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Hà Tiên;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. Hà Tiên;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

***Huỳnh Văn Vân***